

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2025/HS-PT

Ngày: 27/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Văn Thuấn.
2. Ông Lê Quang Toại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 111/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Trần Thị Mỹ K, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2025/HS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Quảng Ngãi).

Bị cáo có kháng cáo:

TRẦN THỊ MỸ K, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1988 tại huyện N, tỉnh Quảng Ngãi;

Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn S, xã B, tỉnh Quảng Ngãi); CCCD số 051188003461, cấp ngày 08/7/2024; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên Đ1 sinh hoạt tại Đảng ủy Bưu điện tỉnh, tháng 7/2023 bị cáo nhận hồ sơ đảng viên để chuyển sinh hoạt về nơi cư trú nhưng bị cáo không nộp hồ sơ và bỏ sinh hoạt Đảng từ đó đến nay, hiện nay không còn tên đảng viên trong Đảng bộ nào; bị cáo là con ông Trần T (sinh năm 1953) và bà Đinh Thị T1 (sinh năm 1954); chồng đã ly hôn tháng 8/2024; có 02 con, lớn nhất 12 tuổi, nhỏ nhất 05 tuổi; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2024 cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian Trần Thị Mỹ K (sinh năm 1988), ở thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi công tác tại Bưu Điện huyện B, tỉnh Quảng Ngãi từ ngày 01/10/2014 đến ngày 19/01/2020 với chức danh là “Giao dịch viên” Phòng Giao dịch Bưu điện huyện B, K có nhiệm vụ tiếp nhận tiền gửi, mở Sổ tiết kiệm Bưu điện của khách hàng theo quy trình mở sổ tiết kiệm theo quy định tại Điều 9 của Quy định số 5038/2014/QĐ-LienVietPostBank, ngày 08/9/2014 của Ngân hàng B1. Đến ngày 20/01/2020, Trần Thị Mỹ K được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Bưu điện huyện B đảm nhận công tác quản lý và điều hành các hoạt động của Bưu điện huyện B. Mặc dù không còn chức danh là “Giao dịch viên”, không có nhiệm vụ thực hiện việc tiếp nhận tiền gửi tiết kiệm của khách hàng tại Bưu điện cũng như việc chi trả tiền tiết kiệm cho khách hàng nhưng do cần tiền trả nợ cá nhân nên K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền gửi tiết kiệm của khách hàng bằng phương thức, thủ đoạn khi có khách hàng đến gửi tiền tiết kiệm thì K nhận tiền, viết giấy giao nhận tiền và đưa ra thông tin gian dối là trụ sở cơ quan đang sửa chữa, máy tính hỏng, hệ thống lỗi hoặc bận họp nên chưa thể in Sổ tiết kiệm, hẹn hôm khác làm sổ. Sau đó, bị cáo K tự làm giả sổ tiết kiệm (không theo mẫu số do Ngân hàng phát hành) bằng cách viết thông tin tiền gửi tiết kiệm vào giấy bì cứng màu xanh, khổ A4, để khách hàng tin tưởng. Với thủ đoạn gian dối trên, từ năm 2019 đến năm 2023, Trần Thị Mỹ K đã chiếm đoạt tiền của 02 khách hàng gửi tiết kiệm tại Phòng Giao dịch Bưu điện huyện B với tổng số 164.000.000 đồng, cụ thể:

- Vào ngày 10/9/2019, ông Phạm Văn B (sinh năm 1989), ở thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến Bưu Điện huyện B tắt toán Sổ tiết kiệm Bưu điện tại Phòng giao dịch Bưu điện huyện B với số tiền gốc là 20.000.000 đồng do Trần Thị Mỹ K là người trực tiếp giao dịch. Sau đó, ông B tiếp tục gửi tiết kiệm 20.000.000 đồng trên và nộp thêm số tiền 20.000.000 đồng để làm Sổ tiết kiệm với số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất tính theo tháng, quý hoặc năm. Khi không nhập hệ thống phần mềm các thông tin khách hàng mà chỉ viết giấy biên nhận số tiền 40.000.000 đồng và đưa ra thông tin gian dối là hệ thống bị lỗi nên chưa làm được sổ, khi nào làm được sổ sẽ điện cho ông B đến lấy. Toàn bộ số tiền 40.000.000 đồng trên bị cáo K trả nợ và chi tiêu cá nhân. Khi đến kỳ hạn trả lãi thì bị cáo K dùng tiền cá nhân chi trả lãi tiền gửi tiết kiệm cho ông B tương ứng lãi suất tiền gửi. Đến tháng 5/2021, ông B gọi trước cho K và đến gửi thêm số tiền 19.000.000 đồng, yêu cầu gộp vào sổ tiết kiệm 40.000.000 đồng thành một sổ 59.000.000 đồng. Sau khi ông B giao tiền thì Trần Thị Mỹ K tự làm Sổ tiết kiệm (bằng giấy bì cứng màu xanh, khổ A4), thời hạn gửi 12 tháng với lãi suất tiền gửi 6,7%/năm (khoảng 3,9 triệu/năm), giao cho ông B. Sau khi nhận số tiền 19.000.000 đồng, K chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân.

Đến ngày 28/12/2022, ông Phạm Văn B tiếp tục đến Bưu Điện huyện B (thời điểm này Bưu Điện huyện B đang sửa chữa nên Phòng G chuyển đến làm việc tạm thời tại Trụ sở UBND thị trấn B, địa chỉ đường P, thị trấn B, huyện B gặp bị cáo K để gửi tiết kiệm số tiền 38.000.000 đồng và yêu cầu gộp với sổ tiết kiệm 59.000.000 đồng thành sổ tiết kiệm mới là 97.000.000 đồng. Lúc này, K nói hiện tại hệ thống bị lỗi nên không thể làm sổ được và hứa sẽ làm sổ gửi cho ông

B sau, đồng thời, K thu lại sổ tiết kiệm cũ và chỉ viết 01 giấy biên nhận số tiền 38.000.000 đồng giao cho ông B. K chiếm đoạt số tiền 38.000.000 đồng và chỉ tiêu cá nhân.

Tháng 4/2023, Phạm Văn B gọi điện thoại liên hệ bị cáo K để làm thủ tục rút số tiền gốc 10.000.000 đồng từ sổ tiết kiệm 97.000.000 đồng. Do chưa có tiền nên cách mấy ngày sau K mới gửi cho bà T3 (Nhân viên Bưu điện xã B) nhờ đưa giúp cho ông B hai lần, mỗi lần 5.000.000 đồng. Do liên hệ với K nhiều lần không gặp được nên đến tháng 7/2023, ông B đến Phòng giao dịch Bưu điện huyện B yêu cầu rút toàn bộ số tiền mà ông B đã gửi tiết kiệm trước đó. Tuy nhiên, lúc này K đã rời khỏi địa phương vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn.

Đối với ông Phạm Văn Đ (sinh năm 1979) và vợ là Phạm Thị H (sinh năm 1979) cùng trú tại thôn L - D, xã B huyện B: Vào 06/5/2020, ông Đ đến gặp Trần Thị Mỹ K để tắt toán Sổ tiết kiệm Bưu điện tại Phòng giao dịch Bưu điện huyện B với số tiền gốc là 19.000.000 đồng. Tại đây, ông Đ tiếp tục gửi tiết kiệm với tổng số tiền là 37.000.000 đồng. Thời điểm này, Trần Thị Mỹ K đang là Phó Giám đốc Bưu Điện nên không có thẩm quyền thực hiện việc tiếp nhận, mở hồ sơ tiền gửi tiết kiệm cho khách hàng, nhưng bị cáo K vẫn làm thủ tục gửi tiết kiệm số 37.000.000 đồng cho vợ chồng ông Đ và bà H bằng cách làm sổ tiết kiệm giả, viết thông tin tiền gửi tiết kiệm và lãi suất tiền gửi vào giấy bìa cứng màu xanh, khổ A4, ký tên người gửi, người tiếp nhận rồi giao cho ông Phạm Văn Đ. Khi nhận sổ, ông Phạm Văn Đ thấy lạ nên có hỏi Trần Thị Mỹ K “Sao sổ tiết kiệm hôm nay khác với lần trước” thì K trả lời “Sổ tiết kiệm thay đổi mẫu”, nghe vậy, ông Đ không nói gì và cầm sổ tiết kiệm trên về nhà cất. Sau khi nhận số tiền 37.000.000 đồng thì K sử dụng vào mục đích trả nợ cá nhân. Tháng 4/2021, ông Phạm Văn Đ gọi điện thoại báo trước cho K về việc muốn gửi thêm 30.000.000 đồng và gộp 02 lần gửi thành 97.000.000 đồng. Nghe vậy, K nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền này để trả nợ nên yêu cầu vợ chồng ông Đ đem tiền xuống nhà K tại thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, đồng thời, K nhận tiền và thu lại sổ tiết kiệm số tiền 37.000.000 đồng và hẹn hôm sau lên lấy sổ tiết kiệm với số tiền 97.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, K tiếp tục chiếm đoạt rồi sử dụng cho mục đích cá nhân và không liên lạc với vợ chồng ông Đ.

Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6-Quảng Ngãi) quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Mỹ K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Mỹ K 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/6/2025, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Quảng Ngãi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Hành vi của bị cáo Trần Thị Mỹ K: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền trả nợ cá nhân, trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, lợi dụng đang làm việc tại Bưu điện huyện B, bị cáo Trần Thị Mỹ K đã có hành vi gian dối, làm sổ tiết kiệm bưu điện giả bằng cách ghi thông tin tiền gửi tiết kiệm và lãi suất tiền gửi vào giấy bìa cứng màu xanh, khổ A4, ký tên người gửi, người tiếp nhận để bị hại tin tưởng, bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tiền gửi tiết kiệm Bưu điện của ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn B với tổng số tiền là 164.000.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị Mỹ K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp tài sản của người khác đều bị trừng trị nhưng vì mục đích cá nhân, bị cáo vẫn thực hiện. Lợi dụng vị trí làm việc và lòng tin của các bị hại, trong thời gian dài bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 164.000.000 đồng của các bị hại. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm quyền sở hữu của người khác, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức nơi bị cáo làm việc.

Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo cung cấp Thông báo về việc kết quả giải quyết, huỷ bỏ đăng ký cư trú thể hiện bị cáo thuê nhà ở và chăm sóc 02 con nhỏ, bị cáo khai vì chồng cũ của bị cáo làm nghề lái xe, thường xuyên đi xa

và không trực tiếp chăm sóc con, vì vậy để tạo điều kiện cho bị cáo sớm được trở về, chăm sóc con nhỏ, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, giảm một phần hình phạt cho bị cáo ở khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà ra sức cải tạo thành công dân tốt.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Quảng Ngãi).

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 174; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Mỹ K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Mỹ K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND KV6- Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV6 - Quảng Ngãi;
- Phòng HS-NV Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang

